

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:62/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17/6/2024

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Mên

2. Ông Huỳnh Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh: Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, vụ án thụ lý số 243/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Kiên Thị Sô Đa Đa N, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt;

Bị đơn: Anh Thạch Chan Cô M, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp N, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt;

Con chung của chị Đa N1 và anh Cô M: Thạch Thị Thanh H sinh ngày 21/8/2012. Có mặt;

Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông Kim Na R, Nguyên là cán bộ phòng giáo dục đào tạo huyện C. Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Kiên Thị Sô Đa Đa N trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh Thạch Chan Cô M tự nguyện cưới nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng đi làm ăn xa, do bất đồng quan điểm nên hay cãi vã, anh Cô

M không lo làm ăn, chị nói thì anh Cô M dùng những lời lẽ xúc phạm danh dự của chị, những khi có rượu trong người thì đánh đập chị, tình cảm vợ chồng không còn nên đã ly thân từ 04 năm nay. Thời gian này chị nghe nói anh Cô M đã có vợ và có con với người khác, nay chị yêu cầu ly hôn với anh Cô M.

- Về con chung tên Thạch Thị Thanh H, sinh ngày 21/8/2012, chị Đa N yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh Cô M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 04/5/2024 và tại phiên tòa hôm nay, con chung của chị Đa N và anh Cô M là Thạch Thị Thanh H, sinh ngày 21/8/2012 trình bày hiện tại đang sống chung với mẹ, khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ.

- Đối với bị đơn anh Thạch Chan Cô M, mặc dù Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Cô M không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì. Anh Cô M vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Thạch Chan Cô M vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận chị Đa N ly hôn anh Cô M. Về con chung: Đề nghị căn cứ Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình giao con tên Thạch Thị Thanh H, sinh ngày 21/8/2012 cho chị Đa N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tại Tòa chị Đa N không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung chị Đa N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Đa N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị Đa N và anh Cô M là tranh chấp về ly hôn và nuôi con; bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay, anh Thạch Chan Cô M đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Cô M vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Cô M.

[2] Về hôn nhân: Chị Đa N và anh Cô M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào năm 2012 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị Đa N và anh Cô M là hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị Đa N xin ly hôn anh Cô M, theo lời khai của chị Đa N tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay thì sau khi kết hôn, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau, nên hay cãi vã, anh Cô M không lo làm ăn, chị nói thì anh Cô M dùng những lời lẽ xúc phạm danh dự của chị, những khi có rượu trong người thì đánh đập chị, tình cảm vợ chồng không còn nên đã ly thân từ 04 năm nay, hiện tại chị không còn tình cảm vợ chồng với anh Cô M nên cương quyết xin được ly hôn.

Về phía anh Cô M không đến Tòa để hoà giải, không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa, không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì để Tòa xem xét về hôn nhân của anh chị, điều đó chứng minh rằng anh Cô M không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị Đa N.

Qua xác minh của Tòa án thì Chị ruột của anh Cô M trình bày thời gian vợ chồng chung sống có mâu thuẫn về tình cảm, chị Đa N dẫn con về nhà cha mẹ ở huyện C, tỉnh Trà Vinh sinh sống cho đến nay khoảng 03 năm, thời gian ly thân không ai quan tâm tới ai, chị cũng không nghe vợ chồng bàn bạc việc đoàn tụ, mặc dù chị em có khuyên vợ chồng nhưng vẫn không đoàn tụ được, hiện tại anh Cô M đi làm nên không về Tòa án để giải quyết việc hôn nhân nhưng anh Cô M đồng ý ly hôn, đồng ý để con cho chị Đa N nuôi dưỡng, tài sản chung, nợ chung anh Cô M không yêu cầu giải quyết, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tòa án xét thấy hôn nhân là tự nguyện và xuất phát từ tình cảm của hai phía, thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau bàn bạc việc đoàn tụ, không quan tâm chăm sóc cho nhau, mỗi người có cuộc sống riêng nên mâu thuẫn giữa chị Đa N và anh Cô M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đa N là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Thạch Thị Thanh H, sinh ngày 21/8/2012 hiện tại đang sống chung với chị Đa N, có nguyện vọng sống chung với chị Đa N, phía chị Đa N có yêu cầu nuôi con chung, theo nguyện vọng của con nên giao con cho chị Đa N nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị Đa N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung: Chị Đa N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đa N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Kiên Thị S Đa Đa N ly hôn anh Thạch Chan Cô M.

- Về con chung: Giao con tên Thạch Thị Thanh H, sinh ngày 21/8/2012 cho chị Đa N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Thạch Chan Cô M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đa N không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Chị Đa N không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Chị Đa N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001234 ngày 16/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị Đa N đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã Đa Lộc; huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh

